MỤC LỤC

Địa chỉ: Quốc lộ 91 - Khóm Thạnh An - Phường Mỹ Thới
Tp. Long Xuyên - Tỉnh An Giang

Điện thoại : +84.76 3 932 545

Fax: +84.76 3 932 554

Website : www.anvifish.com

Mã chứng khoán : AVF

Sàn niêm yết :HOSE

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN 6
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 8
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 14
BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT 18
CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT 19
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 20
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 34

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Nhìn chung, năm 2010 khép lại với không ít khó khăn và thách thức, nhưng đà hồi phục sau khủng hoảng của nền kinh tế vĩ mô đã giúp đạt mức tăng trưởng 6,78%, vượt kế hoạch đã đề ra ở mức 6,5%. Kim ngạch xuất khẩu tăng làm giảm tỷ lệ nhập siêu và cải thiện cán cân thanh toán. Tuy nhiên, thị trường tài chính, tiền tệ có nhiều biểu hiện phức tạp, lạm phát có xu hướng tăng, đặc biệt là ở những tháng cuối năm. Cụ thể: chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2010 so với cùng kỳ năm 2009 đã tăng 11,75%, cao hơn mục tiêu đã điều chỉnh là 8%.

Riêng ngành chế biến và xuất khẩu cá thì kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2010 chỉ đạt 1,4 tỷ USD, thấp hơn mức 1,5 tỷ USD như kế hoạch từ đầu năm, mặc dù khối lượng xuất khẩu cá tra năm 2010 khoảng gần 645.000 tấn (cao nhất trong 10 năm qua). Điều này cho thấy nhu cầu thế giới về cá là không hề sụt giảm mà nguyên nhân là nằm ở việc giá bán bị giảm mạnh do nhiều lý do như: sản lượng nuôi cá nguyên liệu tăng quá nhanh, ngày càng nhiều công ty tham gia và cạnh tranh quyết liệt hơn, thậm chí là có cả việc cạnh tranh không lành mạnh bằng cách hạ giá bán, giảm chất lượng, làm giảm uy tín chung của ngành,…

Trong bối cảnh đó, Anvifish đã gặt hái nhiều thành công trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu thuần năm 2010 đạt trên 1.500 tỷ đồng với lợi nhuận sau thuế đạt trên 80 tỷ đồng. Thành công này không chỉ từ những bước đi đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty mà còn xuất phát từ sự tin tưởng của các đối tác khách hàng, sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự đồng hành của Quý cổ đông.

Vì vậy, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị Công ty để gửi lời cám ơn đến tất cả khách hàng đã tin tưởng và lựa chọn Anvifish làm đối tác trong suốt thời gian vừa qua. Xin cảm ơn đội ngũ nhân viên của Công ty đã không ngừng nỗ lực để đóng góp vào sự thành công của Anvifish ngày hôm nay. Và xin cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng với chúng tôi.

Năm 2011 là năm đầy hứa hẹn khi nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đang dần ổn định và phục hồi sau khủng hoảng; nhưng đồng thời, cũng có nhiều khó khăn và thách thức đang chờ đón phía trước. Mục tiêu của chính phủ trong năm 2011 là duy trì ổn định nền kinh tế vĩ mô bằng các chính sách hạn chế tăng trưởng nóng để giảm lạm phát. Nhiều giải pháp được đưa ra trong những tháng đầu năm 2011 là điều chỉnh tỷ giá, hạn chế tăng trưởng tín dụng ở mức 20%, quy định trần lãi suất, thắt chặt việc kinh doanh vàng miếng tự do, ngoại tệ, …

Tuy nhiên, Anvifish cam kết sẽ nỗ lực hết mình để giữ chữ tín với tất cả khách hàng, tăng hiệu quả sử dụng đồng vốn đáp ứng mong đợi của các cổ đông và sẽ chăm sóc nhiều hơn đến đời sống vật chất và tinh thần cho các cán bộ nhân viên của Công ty, đóng góp ngân sách nhiều hơn để góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

An Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Lưu Bách Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Việt An

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG:

Tháng 08/2004

Công ty ra đời trên cơ sở tiền thân là Công ty TNHH ANGIANG – BASA.

Tháng 12/2004

Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH VIỆT AN.

Tháng 02/2007

Công ty chính thức được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng và có 6 cổ đông sáng lập.

Năm 2008

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ bằng cách phát hành riêng lẻ cho 6 cổ đông sáng lập và một số đối tượng khác.

Năm 2010

Công ty tiếp tục tăng vốn từ 100 tỷ lên 225 tỷ đồng thông qua hai đợt phát hành:

- **Đợt 1:** tăng từ 100 tỷ lên 150 tỷ dưới hình thức phát hành riêng lẻ 5 triệu cổ phần.
- **Đợt 2:** tăng từ 150 lên 225 tỷ dưới hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 23/11/2010, Công ty chính thức niêm yết 22.500.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán AVF theo quyết định số 238/2010/QĐ-SGDHCM của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Giá chào sàn là 25.000 đồng/cổ phiếu.

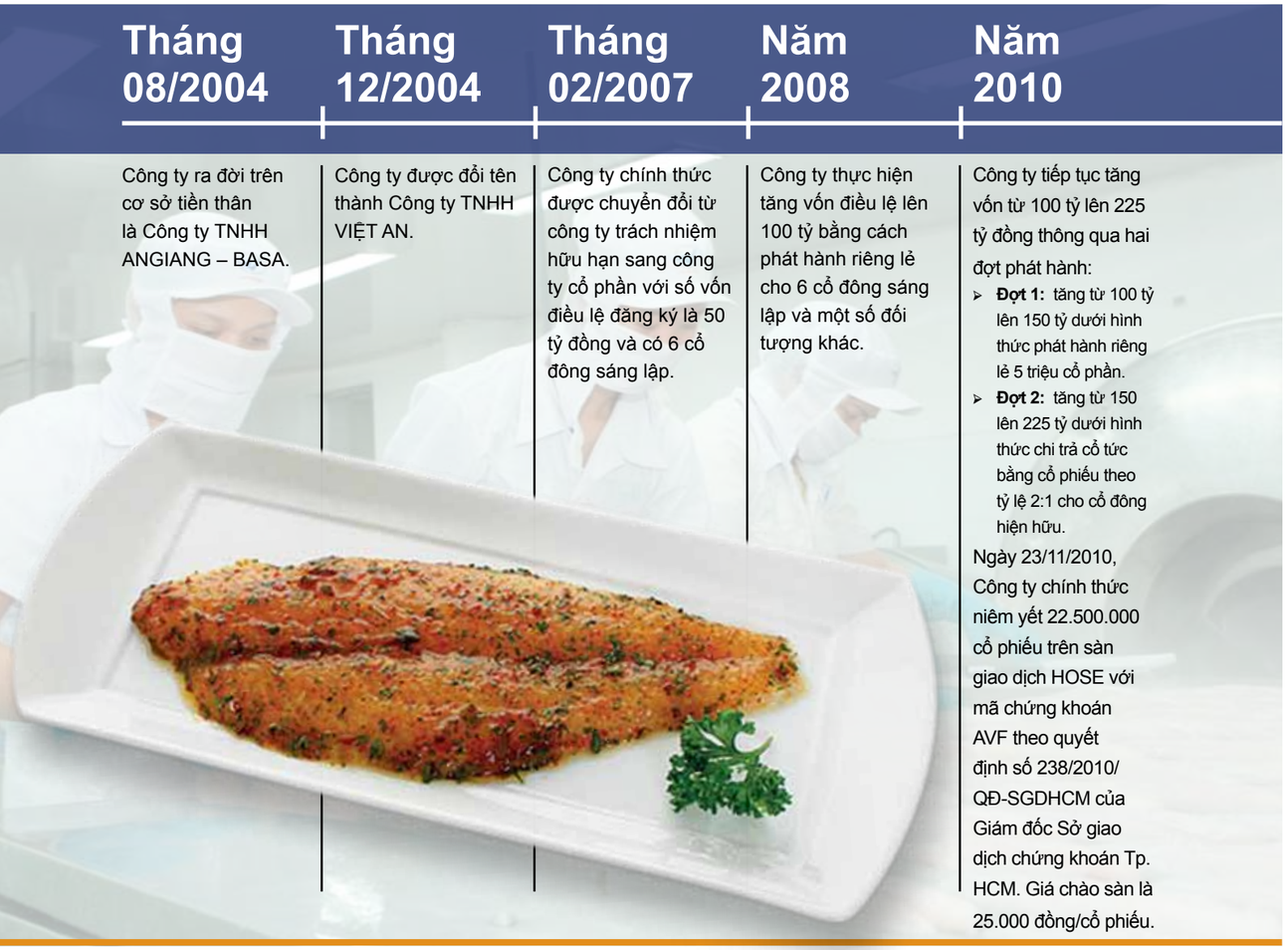

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

- Các sản phẩm chính: cá tra fillet các loại, cá tra cắt khúc, cá tra nguyên con cấp đông các loại, cá cắt, portion, cá cuộn, phụ phẩm
- Cơ cấu sản phẩm: cá tra fillet T1, T2, T3, thứ phẩm và phụ phẩm. Trong đó, T1 và T2 chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ và EU (T1 chiếm khoảng 45-50% doanh thu, T2 chiếm khoảng 30-40%) còn T3 (có thể cả T2) được xuất chủ yếu sang thị trường LB Nga. Thứ phẩm và phụ phẩm chủ yếu bán cho các đơn vị chế biến nội địa.

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT

- Năm 2008, Anvifish được áp mức thuế chống phá giá vào thị trường Mỹ là 0,00%, trong khi đó các Doanh nghiệp cùng ngành nghề tại Việt Nam phải chịu mức thuế là 63,88%.
- Anvifish đã hình thành mạng lưới phân phối rộng lớn và đa dạng với trên 100 khách hàng lớn thường xuyên - gắn bó lâu dài; đặc biệt là các khách hàng đang sở hữu hệ thống đại lý, siêu thị ở Châu Âu và châu Mỹ.
- Anvifish trở thành doanh nghiệp chế biến cá tra hàng đầu Việt Nam với 02 nhà máy chế biến với tổng công suất chế biến là 250 tấn/ngày và vùng nguyên liệu lên đến 123ha (01 vùng nuôi cá tra và 5 vùng liên kết) - và hiện nay đang đầu tư thêm 100ha vùng nuôi mới cơ bản chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, Anvifish còn sở hữu hệ thống kho lạnh với công suất 20.000 tấn tại khu công nghiệp Long Hậu.
- Sau 6 năm tham gia vào lĩnh vực chế biến xuất khẩu, Anvifish nằm trong vị trí 03 công ty xuất khẩu cá tra dẫn đầu ở Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu của Anvifish tăng từ 32 triệu USD năm 2007 lên 47 triệu USD năm 2008, lên 57,9 triệu USD năm 2009; rồi lên 62 triệu USD năm 2010.

Các thành tích nổi bật trong kinh doanh

STT	Chứng nhận – Thành tích	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1	Cúp vàng ISO 2007	04/09/2007	Bộ Khoa học Công nghệ
2	Nhà quản lý giỏi 2007	28/08/2007	Tổng Liên đoàn Lao động VN
3	Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007		UBND tỉnh An Giang
4	Top 10 ngành hành các sản phẩm cá tra	09/09/2008	Liên hiệp các Hội KH-KT Việt Nam
5	Cúp vàng Top 100 Thương hiệu Việt hội nhập WTO	10/01/2008	Liên hiệp các Hội KH-KT Việt Nam
6	Giải thưởng doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2008	25/01/2008	Trung tâm Văn hóa doanh nhân
7	Chứng nhận Giải thưởng Vàng thương hiệu thực phẩm chất lượng an toàn	21/05/2008	VietFoods Safetty Network
8	Top 100 Trusted Brand 2008	15/08/2008	VN Enterprise
9	Chứng nhận Nhà cung cấp đáng tin cậy tại VN		VN Enterprise
10	Đóng góp vào Chương trình "Hướng về quê biển thân thương" năm 2007	29/06/2007	Quỹ Nhân đạo nghề cá Việt nam

Bằng khen

STT	Bằng khen	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1	Giấy khen thành tích chấp hành tốt các chính sách thuế 2006	27/06/2007	Cục Thuế An Giang
2	Bằng khen VINAFISH 2006	01/04/2006	Hội Nghề cá Việt Nam
3	Bằng khen doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu uy tín 2006	16/03/2007	Bộ Thương mại
4	Bằng khen thành tích phát triển KT-XH An Giang năm 2007	01/02/2008	UBND tỉnh An Giang
5	Bằng khen doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu uy tín 2007	29/02/2008	Bộ Công thương
6	Bằng khen thành tích xuất sắc phát triển CN-TTCN 2007	17/04/2008	UBND tỉnh An Giang
7	Bằng khen Doanh nhân tiêu biểu năm 2008	01/10/2008	Phòng TM&CN Việt nam
8	Giấy khen thành tích đóng góp xây dựng phát triển KT-XH	05/01/2009	UBND Mỹ Thới, TP. Long Xuyên
9	Bằng khen doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu uy tín 2008	16/04/2009	Bộ Công thương

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

TRIỂN VỌNG NGÀNH CÁ TRA VIỆT NAM

- Việt Nam có lợi thế cạnh tranh trong nuôi cá tra nhờ đặc điểm tự nhiên của nguồn nước, thổ nhưỡng và khí hậu tại Vùng ĐBSCL, cho ra sản phẩm cá tra sinh trưởng nhanh, chất lượng cao (tỷ lệ thịt trắng cao và đồng nhất), đặc biệt trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ là những vùng thích hợp nhất cho hoạt động nuôi trồng cá tra trên quy mô công nghiệp. Đây là điều kiện cấu thành lợi thế cạnh tranh của ngành nuôi cá tra Việt Nam.
- Quy trình công nghệ nuôi tiên tiến, chế biến sản phẩm trên hệ thống dây truyền công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực dồi dào, chi phí nhân công thấp là những yếu tố cấu thành điều kiện đủ về lợi thế cạnh tranh của ngành nuôi - chế biến cá Tra Việt Nam.
- Giá cá tra Việt Nam xuất khẩu đang có xu hướng tăng là do qui định giá sàn xuất khẩu và sản lượng cá sụt giảm. Việc qui định giá sàn xuất khẩu có tác dụng tích cực về dài hạn vì sẽ hạn chế được sự cạnh tranh tiêu cực trong việc bán hàng, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Ngược lại, tác động tăng giá bán do sản lượng cá sụt giảm chỉ mang tính chất tạm thời, nguồn cung sẽ tăng trở lại thì giá sẽ sụt giảm.
- Hình ảnh cá tra Việt Nam đã được nhìn nhận đúng trong con mắt người tiêu dùng trên thế giới sau sự kiện tổ chức WWF đưa cá tra Việt Nam ra khỏi Danh sách đỏ trong Cẩm nang hướng dẫn người tiêu dùng và Bộ Thương Mại Mỹ điều chỉnh mức thuế chống phá giá xuống 0% cho một số doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu Việt Nam.
- Nhu cầu tiêu thụ cá tra nói chung trên thế giới tiếp tục tăng. Ngành nuôi cá tra của Việt Nam sẽ vượt qua ngành nuôi cá hồi của Na Uy hoặc của Chilê, thậm chí còn vượt qua sản lượng cá rô phi của nước láng giềng Trung Quốc. Về dài hạn, do những hạn chế về môi trường nên nhịp tăng trưởng có thể chậm lại.
- Để đảm bảo phát triển bền vững nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu cá tra, vừa qua Chính phủ đã phê duyệt đề án "Phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng ĐBSCL đến năm 2020". Để phát triển bền vững nghề nuôi cá tra điều cần nhất là công bố chất lượng và sản lượng bán ra, điều hành sản lượng nuôi cá tra nguyên liệu hàng năm theo định hướng thị trường.

PHÂN TÍCH SWOT

STRENGTHS	WEAKNESSES
■ Xây dựng được một mạng lưới khách hàng truyền thống tin cậy tại các thị trường châu Âu, Mỹ và Úc ổn định và bền vững. ■ Chủ động về nguồn nguyên liệu so với các doanh nghiệp khác cùng ngành nghề. ■ Cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ và hiện đại. ■ Hệ thống quản lý chất lượng bảo đảm sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng. ■ Thương hiệu và uy tín ngày một phát triển. ■ Được hưởng mức thuế suất thuế chống phá giá vào thị trường Mỹ thấp, gần như bằng 0.	■ Nguồn lao động phổ thông luôn ở tình trạng không ổn định do sự di chuyển giữa các vùng, doanh nghiệp ■ Sử dụng đòn bẩy tài chính khá cao so với các đơn vị trong ngành khiến doanh nghiệp phải phụ thuộc nhiều vào chính sách tiền tệ và chính sách vĩ mô khác. ■ Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh chưa cải thiện so với mức bình quân Ngành.
OPPORTUNITIES	**THREATS**
■ Giá cá tra Việt Nam có xu hướng tăng. ■ Hình ảnh cá tra Việt Nam được nâng cao trong mắt người tiêu dùng thế giới. ■ Sự quan tâm sát sao của các bộ ngành, hiệp hội, truyền thông.. tạo sự đoàn kết giữa các doanh nghiệp trong Ngành, chủ động ứng phó trước các hàng rào bảo hộ từ các thị trường nhập khẩu.	■ Hàng rào bảo hộ của các thị trường nhập khẩu ngày càng gia tăng và khắt khe ■ Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật sẽ đẩy nhanh quá trình lỗi thời của máy móc thiết bị Anvifish đã đầu tư. ■ Sự cạnh tranh không lành mạnh, thiếu sự phối hợp giữa các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu và thương mại thuần túy.

CAM KẾT:

"Sạch từ con giống, vùng nuôi, sản xuất chế biến đến bàn ăn của mọi người".

MỤC TIÊU:

Doanh thu tăng trưởng 20%/năm, tỷ suất lợi nhuận biên từ 8,5%-9%, và duy trì mức cổ tức khoảng 40%/năm. Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra ở Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011 – 2015:

Phát triển theo chiều sâu, phát huy những ưu thế sẵn có về mặt thương hiệu, mạng lưới phân phối, nguồn nguyên liệu và công nghệ chế biến để tăng doanh thu và lợi nhuận của công ty.

- Tăng chất lượng sản phẩm để gia tăng giá trị hàng hóa cung cấp cho thị trường.
- Tăng công suất của các nhà máy hiện tại bằng các cải tiến quy trình, máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng tay nghề nhân công, sắp xếp lao động sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn các cấp quản lý.
- Không ngừng đẩy mạnh việc mở rộng thị trường nhằm đảm bảo sự ổn định, bền vững cho sự tăng trưởng.
- Giảm chi phí biên của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận: tận dụng các các phụ phẩm và tạo thêm các sản phẩm có tính giá trị gia tăng cao, cộng thêm với các sản phẩm mới, dịch vụ cho thuê kho đông lạnh.

BÁO CÁO
BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2010

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So với KH	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	Trđ	1.221.194	1.495.654	1.585.714	106%	130%
Lãi gộp	Trđ	230.395	270.000	312.018	115,5%	135,43%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	82.837	119.652	89.771	75%	108,4%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	74.873	107.687	80.989	75,2%	108,2%
Cổ tức/Vốn điều lệ	%	86	50	50	100%	58,1%
EPS	Đồng	7.487	4.755	4.531	95,3%	60,5%

Chỉ tiêu doanh thu: Doanh thu thuần tăng 29,85% so với năm 2009 và vượt 6,02% kế hoạch. Kết quả này đạt được là nhờ vào công ty đã đáp ứng được những tiêu chuẩn chất lượng khắc khe như Global G.A.P, giúp cho nâng cao giá trị và khả năng thâm nhập thị trường của sản phẩm của công ty. Cơ cấu doanh thu cho thấy công ty đã có những điều chỉnh cụ thể về mặt thị trường. Theo đó, công ty tập trung thị trường Mỹ để tận dụng thuế suất 0% và giá bán cao, giảm tỷ trọng với thị trường Châu Âu và Nga nhằm tránh những rủi ro do sự bất ổn về tài chính trong khu vực năm 2010, xúc tiến thị trường Châu Á và Úc .

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2010

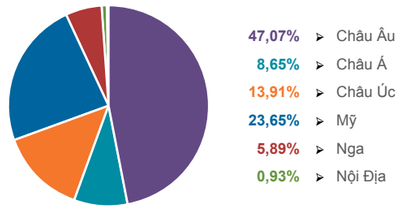

Chỉ tiêu lợi nhuận: Các chỉ tiêu về lợi nhuận của công ty không đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể,chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 75,21% so với kế hoạch, chỉ tiêu EPS đạt 95,3% kế hoạch. Nguyên nhân là do năm 2010 chính sách kinh tế vĩ mô có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là về chính sách lãi suất và tỷ giá. Điều này làm cho chi phí tài chính của công ty tăng cao và làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận của công ty. Năm 2010, chi phí tài chính của công ty là 121,9 tỷ, chiếm 7,7% cơ cấu doanh thu (So với năm 2009 là 34,8 tỷ, chiếm 2,85% cơ cấu doanh thu).

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2008 -2010

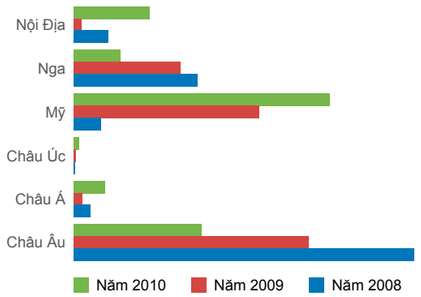

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2010

- Hoạt động phát triển nguồn nguyên liệu: 06/2010, công ty đã chính thức được tổ chức quốc tế SGS chứng nhận đạt chuẩn **Global G.A.P** cho 02 vùng nuôi Vĩnh Bình (diện tích 20ha gồm 10 ao nuôi) và Chợ Mới (diện tích 20ha gồm 07 ao nuôi), cung cấp sản lượng cá nguyên liệu đạt chuẩn Global G.A.P cho các Xí nghiệp chế biến của công ty là 43.000 tấn/năm. Tiêu chuẩn này được xem là "giấy thông hành" cho công ty tiếp tục chinh phục và mở rộng thị trường tại nhiều quốc gia khác, kể cả những thị trường khó tính, có yêu cầu khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu, Australia.

- Hoạt động kiểm soát chất lượng: Công ty đang tiến hành cải tiến hệ thống quản lý kiểm soát chất lượng trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắc khe của khách hàng và tăng giá bán của sản phẩm. Trong năm 2010, công ty đã triển khai Global G.A.P cho 02 nhà máy và đã được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận. Bên cạnh đó, Trung tâm Kiểm dịch chất lượng sản phẩm của công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ hàm lượng vi sinh và dư lượng kháng sinh trong tất cả các khâu từ con giống-nuôi trồng-khai thác-chế biến-thành phẩm của Anvifish và còn thực hiện kiểm dịch cho các đơn vị khác trên địa bàn. Trung tâm đã thực hiện hai thử nghiệm quan trọng là Phương pháp kiểm Malachit green-Leucomalachit theo tài liệu của FDA và Phương pháp kiểm Enrofloxacine-Ciprofloxacine theo tài liệu của AOAC, qua đó giúp Anvifish tiết kiệm được thời gian, đơn giản quy trình thử nghiệm và giảm chi phí kiểm dịch trên từng mẫu sản phẩm.

- Hoạt động phát triển sản phẩm: Công ty tập trung nâng cao chất lượng các dòng sản phẩm cốt lõi là Fillet T1 và T2 nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính là Mỹ và EU, đồng thời tăng giá trị xuất khẩu. Theo đó, giá xuất khẩu bình quân sản phẩm fillet T1 và T2 của công ty vào thị trường Mỹ và EU là **3.90** USD/kg. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng từ các thị trường và khác nhau, Công ty thực hiện chế biến sản phẩm theo các quy cách, kích cỡ, chất lượng khác nhau. Ngoài ra, Công ty bước đầu thử nghiệm một số mặt hàng đang có xu hướng tăng giá trị xuất khẩu như: cá tầm bột chiên, fillet cá tra tẩm gia vị, cá rô, cá chẽm, cá kèo, tôm càng xanh. Mặc dù sản lượng chưa cao nhưng đây là những mặt hàng tiềm năng hứa hẹn có thu nhập hấp dẫn.

- Hoạt động phát triển thị trường và hệ thống phân phối: Năm 2010, công ty tập trung củng cố và phát triển các thị trường truyền thống là Mỹ, EU và Liên bang Nga, đặc biệt là thị trường Mỹ để tận dụng thuế suất 0% và giá bán cao. Năm 2010, công ty đã đưa sản phẩm vào thêm các hệ thống siêu thị lớn ở Mỹ là **Safeway, Sysco, Costco, Wal Mart và đặc biệt ANVIFISH là nhà cung cấp độc quyền của hệ thống siêu thị METRO EU.** Bên cạnh đó, công ty còn tham dự các hội chợ thủy sản lớn tổ chức tại Boston (Mỹ), Brusell (Bỉ), Moscow (Nga), Du-Bai (UAE), Tokyo (Nhật) để nhằm quảng bá sản phẩm, tìm kiếm khách hàng mới. Năm 2010, công ty đã phát triển các thị trường mới ở Châu Á và Úc. Đây là những thị trường tiềm năng mà công ty nhắm đến nhằm giảm rủi ro vào các thị trường truyền thống (Mỹ, EU, Nga) và tăng sản lượng xuất khẩu.

- Hoạt động cải tiến công nghệ: Công ty đã thay đổi các máy nén piston bằng máy nén trục vít có công suất cấp đông tăng thêm 20%, tiết kiệm 30% điện năng và giảm chi phí vận hành. Sử dụng băng chuyền sửa cá trong các nhà máy chế biến để tiết kiệm nước sạch, hạn chế nước thải, giảm chi phí xử lý môi trường.

- Hoạt động hậu cần kho bãi: tháng 11/2010, công ty đã đưa kho lạnh **ANPHA-AG** đi vào hoạt đông với công suất 20.000 tấn/năm. Kho lạnh này với công nghệ hiện đại của Hoa Kỳ đã khép kín chu trình sản xuất của Anvifish, giúp giảm đáng kể chi phí thuê kho; đồng thời, hứa hẹn đem lại nguồn thu cho công ty từ hoạt đông cho thuê kho trong thời gian tới.

- Hoạt động niêm yết cổ phiếu: Ngày 23/11/2010, Cổ phiếu Công ty cổ phần Việt An với mã chứng khoán **AVF** đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM, đánh dấu bước đầu trong nỗ lực công khai, minh bạch hóa thông tin đến tất cả các nhà đầu tư, nhằm giúp đảm bảo quyền lợi tối ưu của các cổ đông và góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.

BÁO CÁO
BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hoạt động quản trị rủi ro:

Yếu tố rủi ro	Phân tích rủi ro	Giải pháp
RỦI RO ĐẦU VÀO, NHÀ CUNG CẤP	▪ Ngoài nguồn cá nguyên liệu do Anvifish chủ động kiểm soát, phần còn lại chủ yếu mua gom từ các hộ nuôi. Sự biến động của thị trường nguyên liệu có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.	▪ Tăng cường việc chủ động nguồn nguyên liệu lên trên 80%.
	▪ Giá thành cá nguyên liệu phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước và biến động giá và chất lượng thức ăn cho cá.	▪ Tăng cường việc kiểm soát chất lượng ở các vùng nuôi của Công ty và các vùng nuôi liên kết theo đúng các tiêu chuẩn chất lượng. Đặc biệt, tăng cường việc thực hiện tiêu chuẩn Global G.A.P ở tất cả các vùng nuôi.
RỦI RO THỊ TRƯỜNG	▪ Những quy định về chất lượng, kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm, những rào cản kỹ thuật của các nước nhập khẩu ngày càng tinh vi sẽ ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty.	▪ Đa dạng hóa thị trường. Ngoài các thị trường truyền thống Mỹ, Nga, Châu Âu, và Châu Úc thì vẫn còn nhiều trị trường tiềm năng, các thị trường với phân khúc sản phẩm giá rẻ như các nước Châu Phi, Châu Á.
	▪ Sản phẩm cá tra của Anvifish sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước.	▪ Nghiên cứu các đối thủ và mặt hàng cạnh tranh trong và ngoài nước để có những bước đi đúng đắn.
RỦI RO THANH TOÁN	▪ Các rủi ro về tiến độ giao hàng, khả năng thanh toán và chậm trả của khách hàng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.	▪ Xây dựng lượng khách hàng truyền thống uy tín lâu năm, thị trường ổn định để giảm thiểu rủi ro thanh toán.
		▪ Phải luôn xem xét cẩn trọng rủi ro này trong quá trình kinh doanh.
RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ	▪ Rủi ro lãi suất: công ty sử dụng đòn bẩy .	▪ Chuyển hướng từ vay nội tệ sang vay ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro về lãi suất.
	▪ Rủi ro tỷ giá: doanh thu của Công ty chủ yếu từ xuất khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty.	▪ Theo dõi thường xuyên và có dự báo các biến động tỷ giá để có những điều chỉnh thích hợp.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2011

- Nguồn nguyên liệu: Tiếp tục mở rộng vùng nuôi của công ty và vùng nuôi liên kết trên cơ sở tiêu chuẩn Global G.A.P nhằm ổn định và chủ động nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho công tác chế biến. Diện tích vùng nuôi mở rộng thêm là 100ha. Bên cạnh đó, công ty chú trọng việc nghiên cứu giống nuôi thích nghi với môi trường ĐBSCL sẽ bị xâm mặn và nước biển dâng trong tương lai.
- Hoạt động kiểm soát chất lượng: Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng khép kín chu trình sản xuất từ vùng nguyên liệu, chế biến, bảo quản và xuất khẩu cá các loại.
- Hoạt động phát triển thị trường: Giữ vững hình ảnh về sản phẩm, về Công ty và tiếp tục quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới nhằm mở rộng thị trường.
- Hoạt động cải tiến công nghệ: Đầu tư mạnh vào cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm và chất lượng nguồn nhân lực. Công ty sẽ xây dựng hệ thống quản lý ERP để phát huy hiệu suất quản lý, tiết giảm chi phí.

- Hoạt động hậu cần kho bãi: Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của kho lạnh ANPHA-AG nhằm đem lại nguồn doanh thu cho công ty.
- Hoạt động đầu tư tài sản cố định: Công ty chủ trương tạm dừng việc đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích tập trung nguồn lực để phát triển nguồn vùng nuôi nguyên liệu, cải tiến công nghệ, kiểm soát chất lượng phù hợp chiến lược phát triển theo chiều sâu của công ty.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	225.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.824.000
Lãi gộp	Triệu đồng	350.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	180.365
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	162.689
Tỷ lệ chi trả cổ tức/Mệnh giá	%	≤40%
EPS	Đồng	> 6.000

Cơ sở của việc thực hiện kế hoạch:

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được giảm 50% cho 04 năm (tức thuế suất 10%) bắt đầu từ năm 2009 đến năm 2012.
- Doanh thu, lợi nhuận từ việc khai thác kho lạnh ANPHA-AG.
- Tiết kiệm chi phí đầu vào nhờ vào việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào, áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ, sử dụng tối đa công suất nhà máy.
- Giá bán tăng do thỏa mãn được các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe nhất là vào thị trường Mỹ và EU.
- Tăng sản lượng xuất khẩu vào thị trường Mỹ nhờ thuế suất bằng 0% (vừa công bố tháng 3-2011).

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	0,96	0,92	1,15
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) (TSLĐ – Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	0,51	0,54	0,83
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ / Tổng tài sản (lần)	0,82	0,82	0,74
+ Nợ / Nguồn vốn chủ sở hữu (lần)	4,72	4,81	2,84
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	4,91	3,61	3,87
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản (lần)	1,28	1,12	1,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%)	0,83	6,13	5,11
+ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	6,70	50,20	22,70
+ Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	9,30	10,50	5,91
+ Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần (%)	6,31	9,13	5,66

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty được cải thiện qua từng năm.

- **Nhóm chỉ tiêu thanh toán:** Khả năng thanh toán của Công ty được giữ ở mức hợp lý, an toàn và ở mức trung bình so với các công ty khác trong ngành. Điều này phản ánh tính thời vụ đặc trưng của ngành cá.
- **Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Công ty sử dụng mức đòn bẩy tài chính cao hơn mức trung bình trong các năm qua. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này là hợp lý khi doanh thu tăng trưởng đều qua các năm và cũng thể hiện được vị thế, uy tín, hình ảnh cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty. Hơn nữa, trong thời gian qua, Công ty cũng cố gắng tận dụng các gói tín dụng hỗ trợ lãi suất của Chính phủ để mang lại hiệu quả trong việc sử dụng vốn.
- **Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** các chỉ tiêu này tuy có sụt giảm nhẹ trong 2 năm qua nhưng nhìn chung vẫn được giữ ở mức tốt và phản ánh sự hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua các năm. Trong năm 2010, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho thấp hơn so với công ty trong ngành. Nguyên nhân là do công ty có chính sách mua trữ nguyên liệu trước mùa cao điểm, không phải cạnh tranh trong việc thu mua nguyên liệu với các đơn vị khác. Điều này giúp cho công ty kiểm soát được giá thành, chủ động được sản lượng và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào.
- **Nhóm chỉ tiêu sinh lời:** Các chỉ tiêu này biến động rất tốt trong các năm qua bất chấp các biến động xấu từ nền kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước và các khó khăn chung của ngành thủy sản.

HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011:

Tổ chức, quản lý, chỉ đạo điều hành:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Công ty. Quy định phân công phân cấp quản lý đảm bảo cho bộ máy quản lý hoạt đông không bị chồng chéo và mang hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Các vấn đề liên quan đến kế hoạch, chiến lược phát triển của Công ty đều được Ban Tổng Giám đốc trình thảo luận và quyết định tại Hội đồng quản trị.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ để quản trị điều hành hệ thống theo đúng pháp luật, tạo hiệu quả hoạt động của bộ máy đồng thời xác đinh rõ trách nhiệm quyền hạn của từng chức danh công việc. Ngoài ra, việc phân quyền để tạo điều kiện chủ động của các phòng ban, xí nghiệp trong Công ty phát huy tối đa năng lực của mình, đề cao kỷ cương trong quá trình làm việc năng động, chuyên nghiệp.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đúng pháp luật, hoàn thiện và đi đến chuẩn hóa các quy định, quy chế, định chế của Công ty.
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đúng việc đúng người . Quy định rõ chức năng và nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng nghiệp vụ, từng cán bộ để nâng cao trách nhiệm và khả năng tự chủ trong công việc .
- Áp dụng triệt để hệ thống các quản lý chất lượng làm cơ sở điều hành và động lực cho nâng cao sản lương sản xuất và doanh số bán hàng.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường:

- Đầu tư và thực hiện tốt chiến lược sản phẩm, tài chính, tín dụng, tăng cường công tác quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn trong từng bộ phận, sử dụng và khai thác đồng vốn có hiệu quả, tính toán lại các khoản dự trữ, xem xét lại công nợ hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn.
- Tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, phát triển mặt hàng mới mang tính chiến lược tăng sức cạnh tranh, tăng sản lượng, đảm bảo chất lượng nâng cao hiệu quả sản xuất, khẳng định thương hiệu sản phẩm thông qua chất lượng và uy tín của sản phẩm trên thị trường.
- Củng cố và kiện toàn bộ máy hoạt động và linh hoạt, tăng cường năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong đó có nghệ thuật giao tiếp, văn hoá kinh doanh, cải tiến phương pháp bán hàng của phòng kinh doanh, chi nhánh Công ty.
- Có chính sách ưu đãi đối với kênh phân phối có doanh số lớn và những khách hàng có mức ảnh hưởng lớn đối với thị trường nhằm đảo bảo tính tiêu thụ sản lượng sản phẩm ổn định.

Tài chính, tín dụng :

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp quản lý về tài chính, đồng thời tăng cường công tác thu hồi vốn, giảm thiểu lượng vốn tồn động, không để tình trạng nợ chiếm dụng, đọng dây dưa khó đòi; tìm mọi biện pháp đẩy nhanh vòng quay của vốn, tiết kiệm tối đa chi phí vốn.
- Thường xuyên cân đối nguồn tiền thu về và chi ra hàng tháng.
- Thường xuyên tìm kiếm, xem xét và lựa chọn ngân hàng cấp tín dụng có lãi suất ưu đãi tốt.

Quản lý sản xuất và kỹ thuật :

- Chủ động lập kế hoạch chuẩn bị nguyên vật liệu dự phòng và thực hiện nghiêm thời gian bảo trì bảo dưỡng các dây chuyền sản xuất nhằm sản xuất sản phẩm ổn định và giảm tối đa thời gian ngừng sản xuất.
- Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- Khai thác tối đa năng lực sản xuất của thiết bị. Tổ chức sản xuất một cách khoa học, hợp lý nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ phế phẩm.

Quản lý, sử dụng lao động và phát triển nguồn nhân lực :

- Tìm kiến nguồn nhân lực tại công ty đủ phẩm chất, đạo đức tác phong, trình độ chuyên môn để đào tạo, quy hoạch vào các vị trí quan trọng Công ty.
- Tuyển dụng và tổ chức đào tạo bổ sung.
- Thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ nghiệp vụ và nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp. Hàng năm tổ chức thi nâng bậc, xét lương cho người lao động. Quan tâm giải quyết đầy đủ chế độ, quyền lợi của người lao động.

- Việc xây dựng động lực làm việc của nhân viên là yếu tố quan trọng nhằm giữ chân người giỏi, Ban lãnh đạo cần phải phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ sở chăm lo đời sống cán bộ nhân viên được đầy đủ.Tăng cường công tác chỉ đạo, tập huấn cho cán bộ quản lý về an toàn, vệ sinh lao động, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ về an toàn lao động trong tập thể người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Kiên quyết xử lý, quy rõ trách nhiệm vật chất và hành chính đối với những tập thể và cá nhân không hoàn thành trách nhiệm quản lý, để xảy ra những vi phạm về an toàn lao động.

THAY ĐỔI VỀ VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM:

Trong năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 225 tỷ. Cụ thể như sau:

Tăng vốn từ 100 tỷ lên 150 tỷ:

- Căn cứ theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 01/2009/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2009,
- Hình thức phát hành: **phát hành riêng lẻ**.
- Số lượng cổ phần tăng thêm: 5.000.000 cổ phần. Trong đó:
  - 2.000.000 cổ phần thưởng cho cổ đông hiện hữu, với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu, lấy từ nguồn thặng dư và lợi nhuận năm 2009.
  - 3.000.000 cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá bình quân không thấp hơn 35.000 đồng/cổ phần.
- Thời gian thực hiện: trong tháng 01 năm 2010.
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 35 cổ đông.

Tăng vốn từ 150 tỷ lên 225 tỷ:

- Căn cứ theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 02/2010/BB-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2010.
- Hình thức phát hành: chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:1 cho cổ đông hiện hữu.
  - Tỷ lệ thực hiện chi trả cổ tức đợt 4 năm 2009 theo tỷ lệ là 6/2 (cổ đông sở hữu 6 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận thêm 2 cổ phiếu).
  - Tỷ lệ thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 theo tỷ lệ là 6/1 (cổ đông sở hữu 6 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu).
- Số lượng cổ phần tăng thêm: 7.500.000 cổ phần.
- Ngày chốt danh sách cổ đông: ngày 20/08/2010.
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 40 cổ đông.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHỮNG ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, trong năm 2010 Ban kiểm soát Công ty cổ phần Việt An đã tiến hành giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được Đại hội thông qua. Tất cả các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, thảo luận về những vấn đề của Công ty đã được Hoạt động của Hội đồng Quản trị đề ra, thảo luận và quyết nghị những đề xuất của Tổng Giám đốc, đặc biệt là các vấn đề về cải tiến tổ chức bộ máy, nhân sự; hệ thống tiền lương; đẩy mạnh phát triển sản xuất - kinh doanh; thực hiện các dự án đầu tư; thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu,… nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ngoài ra, trong năm 2010, Ban kiểm soát cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HOSE theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các vấn đề thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị phù hợp với chức năng và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:**
  Kiểm soát các chi phí sản xuất ở tất cả các bộ phận theo đúng quy định của Công ty. Kiểm tra các báo cáo tài chính quý và năm, các báo cáo thuế; đồng thời, làm việc với công ty kiểm toán Deloitte để xem xét các vấn đề trọng yếu.

- **Về các dự án đầu tư:**
  Khảo sát thực tế việc thực hiện các dự án đang triển khai: nhà máy bao bì, nhà máy bột cá, nhà máy thủy sản tại Chợ Mới, và nhà máy chiếu xạ tại Long Hậu Cần Giuộc Long An.

- **Về tổ chức phân công và đôn đốc công việc:**
  Hàng tháng có họp giao ban do Tổng Giám Đốc chủ trì, đánh giá các việc đã làm và bàn triển khai công việc tháng tới. Có kiểm điểm đến công việc được giao và kết quả thực hiện của từng phòng ban, đơn vị hoặc từng cá nhân.

  Nhìn chung, bộ máy lãnh đạo Công ty đang vận hành trôi chảy, tất cả cán bộ công nhân viên đều nghiêm chỉnh chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Những điểm tích cực

Nhìn chung, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô thì với sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc thì các chỉ tiêu tài chính về doanh thu và lợi nhuận đều đã hoàn thành kế hoạch như Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, làm việc và thống nhất với Báo cáo kiểm toán năm 2010 do Deloitte phát hành.

Những điểm cần lưu ý

Xem xét việc thành lập bộ phận kế toán quản trị, độc lập với bộ phận kế toán tài chính, giúp tăng cường tính cạnh tranh của Công ty, hỗ trợ đắc lực cho Ban lãnh đạo trong quá trình ra quyết định thông qua việc sử dụng các báo cáo phân tích chi tiết hiệu quả sử dụng vốn, cấu trúc giá, biến động chi phí, ngân sách,…

Xem xét việc nâng cấp hệ thống thông tin nhằm hỗ trợ tích cực hơn cho quá trình hoạt động, kiểm soát nội bộ cũng như hệ thống kế toán quản trị.

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Một số kiến nghị

Năm 2011 là cột mốc rất quan trọng trong việc tạo đà phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo. Vì vậy, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị hoạch định những chiến lược phát triển mang tính đột phá và chỉ đạo sâu sát việc thực hiện các chiến lược, các mục tiêu đã đề ra..

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON: CÔNG TY CỔ PHẦN ANPHA-AG

- Ngành nghề kinh doanh chính: Cho thuê kho lạnh
- Địa điểm: Khu công nghiệp Long Hậu, tỉnh Long An
- Vốn điều lệ: 40 tỷ
- Vốn góp của Anvifish: 20,4 tỷ (chiếm 51% quyền biểu quyết).

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:

ANVIFISH – EUROPE, MEKONG SEAFOODS

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Hội đồng Quản trị:	
▪ Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
▪ Ông Daniel Yet (Diệp Vĩnh Xuân)	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
▪ Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị
▪ Bà Lê Thị Lài	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
▪ Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị
▪ Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ban Kiểm soát:	
▪ Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
▪ Ông Nguyễn Tấn Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
Ban Điều hành:	
▪ Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
▪ Ông Nguyễn Viết Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
▪ Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
▪ Ông Ngô Văn Thu	Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Việt An được các cổ đông bầu từ khi thành lập công ty cổ phần (năm 2007) đến nay.

Vì vậy, Hội đồng quản trị quyết định tại Đại hội thường niên năm 2010 này sẽ bầu lại toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2 (năm 2011 – 2016).

THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2010

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 15/08/2010:

- Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: 1% lợi nhuận.
- Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi vượt kế hoạch: 1% lợi nhuận khi hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Hiện nay, tổng số lao động của Công ty là 2.730 người.

Phân theo trình độ	Số lượng	(%)
▪ Trình độ đại học và trên đại học	107	4%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp	87	3%
▪ Lao động khác	2.536	93%
Phân theo đơn vị	**Số lượng**	**(%)**
▪ Khối gián tiếp	313	11%
▪ Khối trực tiếp	2.417	89%
Tổng cộng:	**2.730**	**100%**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT

Các thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị – Ông Lưu Bách Thảo

- Họ và Tên : LƯU BÁCH THẢO
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1964
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Số 09 Nguyễn An Ninh, Phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
- Quá trình công tác
  - 1993 - 2000 : Giám đốc Doanh Nghiệp Tư Nhân Bách Thảo
  - 2000 - 07/2004 : Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng Giao Thông Công Chánh Bách Thảo
  - 07/2004 - 02/2007 : Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạnViệt An
  - 02/2007 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng An Giang

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Daniel Yet (Diệp Vĩnh Xuân)

- Họ và Tên : YET DANIEL
- Ngày tháng năm sinh : 08/10/1952
- Quê quán : Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú : 1723 Berna St S.C CA 95050 USA
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản Trị Kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 1983 đến nay : Tổng Giám đốc D&T Foods Corp và Far East Ventures LLC USA
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Việt An
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Tổng Giám đốc D&T Foods Corp - Mỹ và Far East Ventures LLC USA
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng An Giang

Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Trọng Nghĩa

- Họ tên : NGUYỄN TRỌNG NGHĨA
- Ngày tháng năm sinh : 14/03/1981
- Quê quán : Phụng Hiệp, Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Số 9, Lý Thái Tổ, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Quản trị Du lịch Khách sạn
- Quá trình công tác
  - Từ 2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Lê Thị Lài

- Họ tên : LÊ THỊ LÀI
- Ngày tháng năm sinh : 17/11/1968
- Quê quán : Vĩnh Trường, An Phú, An Giang
- Địa chỉ thường trú : Vĩnh Trường, An Phú, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Công nghệ chế biến thủy sản, Cử Nhân Tài Chính Kế toán
- Quá trình công tác
  - 2004 -2009 : Công ty cổ phần Việt An - Anvifish
  - 01/7/2009 đến nay : Công ty cổ phần Việt An - Anvifish
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên HĐQT - Bà Lê Thị Lệ Thủy

- Họ tên : LÊ THỊ LỆ THỦY
- Ngày tháng năm sinh : 28/09/1955
- Quê quán : Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang
- Địa chỉ thường trú : 13 Lý Tự Trọng, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Kế toán tài chính
- Quá trình công tác
  - 1976 – 2000 : Kế toán Công ty Công nghệ phẩm tỉnh An Giang
  - 2000 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Thành viên HĐQT - - Bà Phùng Hoàng Trâm Anh

- Họ tên : Phùng Hoàng Trâm Anh
- Ngày tháng năm sinh : 11/10/1968
- Quê quán : Đà Lạt, Lâm Đồng
- Địa chỉ thường trú : 298/7, Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Trình độ chuyên môn : Đại học Sư phạm, Tiếng Anh, Ngành hóa
- Quá trình công tác
  - 1991-1992 : Giáo viên Trường THPT Nguyễn Du, Đà Lạt
  - 1992-1995 : Giáo viên Trường Collete, TP. HCM
  - 2002 đến nay : Giáo viên Trường THCS Lương Thế Vinh, TP. HCM
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Huyền

- Họ tên : NGUYỄN THỊ HUYỀN
- Ngày tháng năm sinh : 23/11/1963
- Quê quán : Nghĩa Thành-Nghĩa Hưng-Hà Nam Ninh.
- Địa chỉ thường trú : Lô 9A1 Khu dân cư phường Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trình độ chuyên môn : Đại học Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác :
  - 10/1980 - 08/2004 : Công ty cổ phần Du lịch An Giang
  - 09/2004 - 06/2009 : Công ty cổ phần Việt An
  - 01/7/2009 đến nay : Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Tấn Sơn

- Họ tên : NGUYỄN TẤN SƠN
- Ngày tháng năm sinh : 12/02/1960
- Quê quán : Mỹ Phước-Long Xuyên, An Giang
- Địa chỉ thường trú : 55/1 Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán và Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 12/1988 - 10/1993 : Kế toán Công ty Lương thực tỉnh An Giang
  - 10/1993 - 04/1995 : Cán bộ tín dụng Kho bạc Nhà Nước An Giang
  - 04/1995 - 2004 : Kế toán Công ty Du lịch & Phát Triển Miền Núi An Giang
  - 2004 - 03/2006 : Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch An Giang
  - 03/2006 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch An Giang
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Du lịch An Giang

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc – Ông Lưu Bách Thảo

- Ghi chú : Xem lý lịch phần Hội đồng quản trị

Phó Tổng Giám đốc - Bà Lê Thị Lài

- Ghi chú : Xem lý lịch phần Hội đồng quản trị

Phó Tổng Giám đốc - Ông Trương Minh Giàu

- Họ tên : TRƯƠNG MINH GIÀU
- Ngày tháng năm sinh : 10/02/1969
- Quê quán : Xã Long Sơn, Huyện Phú Tân, An Giang
- Địa chỉ thường trú : 93D Phó Đức Chính, P. Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 1990 - 2004 : Làm việc tại Công ty AGIFISH
  - 2005 : Làm việc tại Công ty cổ phần Việt An
  - 01/7/2009 đến nay : Làm việc tại Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Viết Tuyên

- Họ tên : NGUYỄN VIẾT TUYÊN
- Ngày tháng năm sinh : 29/05/1975
- Nơi sinh : Kiến An – Chợ Mới – An Giang
- Địa chỉ thường trú : 99/9 Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Điện – Điện Tử
- Quá trình công tác
  - 2000 - 2004 : Tổ trưởng cơ điện Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang
  - 2005 - 2006 : Phó GĐ XN Dịch Vụ Kỹ Thuật Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang
  - 2007- 04/2008 : Trưởng phòng dự án Công ty Delta AGF
  - 05/2008 – 06/2009 : Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy Sản AFA
  - 01/07/2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Việt An
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Phó Tổng Giám đốc - Trần Lê Đức Thịnh

- Họ tên : TRẦN LÊ ĐỨC THỊNH
- Ngày tháng năm sinh : 09/06/1970
- Quê quán : Lấp Vò – Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú : 9A Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
  Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác
  - 1997-2008 : Từ 1997 – 2008 công tác Công ty Phà An Giang, chức vụ trưởng phòng Kế hoạch.
  - 04/2008-31/12/2009 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng An Giang
  - 01/01/ 2010 nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Việt An
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng An Giang

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Kế toán trưởng - Ông Ngô Văn Thu

- Họ tên : NGÔ VĂN THU
- Ngày tháng năm sinh : 06/05/1971
- Quê quán : Bà Rịa Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú : 274 Võ Thị Sáu, Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Ngân Hàng
- Quá trình công tác
  - 1994 - 2002 : Công tác tại NHNo & PTNT Bà Rịa Vũng Tàu
  - 2002 - 2007 : Công tác tại CTy TNHH XDGTCC Bách Thảo
  - 2007 đến nay : Công tác tại Công Ty Cổ Phần Việt An.
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách nhân sự chung:

Tất cả Cán bộ công nhân viên của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Chính sách tuyển dụng:

Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chính sách tiền lương:

Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Tiền lương đang áp dụng theo 2 hình thức trả lương:

- Đối với khối gián tiếp, phục vụ trả lương theo định mức do Hội đồng lương xây dựng và trình Tổng Giám đốc quyết định.
- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất trả lương theo khoán theo kết quả khối lượng công việc được giao.

Chính sách thưởng:

Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.

Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng.

- Đối với công nhân nhà máy chế biến, công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân.
- Đối với các các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn mà Công ty đã đạt như HACCP, ISO…

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

- Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc;
- Tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan nghỉ dưỡng học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức và sự hiểu biết.

- Thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỉ.
- Thực hiện trợ cấp nhà trọ, đủ công, thưởng năng suất v.v… giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho công nhân.
- Thường xuyên nâng cấp môi trường làm việc và điều kiện làm việc tại các nhà máy, văn phòng công ty để tạo sự thoải mái trong quá trình làm việc.
- Trong năm 2010, cùng địa phương tham gia chương trình xây dựng “mái ấm Công Đoàn “ triển khai hoàn thành 11 căn nhà cho công nhân.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Việt An
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: AVF
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)
- Ngày niêm yết chính thức: 23/11/2010
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 22.500.000 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.500.000 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần của các thành viên chủ chốt bị hạn chế chuyển nhượng là 8.273.386 cổ phần, chiếm 36,77% vốn điều lệ. (cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu trong thời gian 06 tháng và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo kể từ khi niêm yết)
- Biểu đồ giá của AVF:

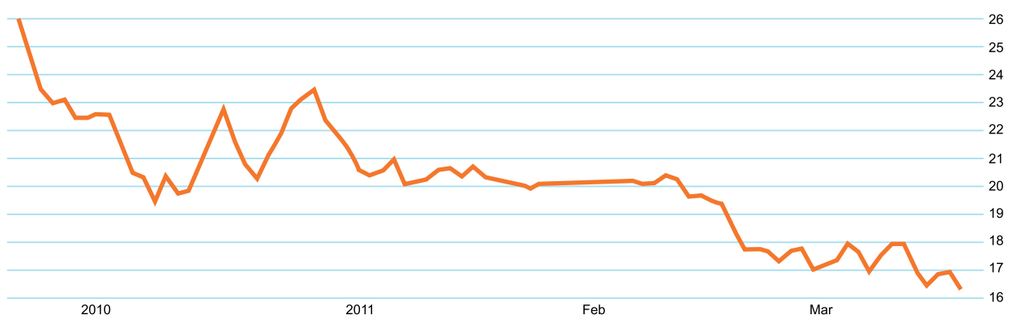

TÌNH HÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Cổ tức bằng tiền mặt	14.181.334.461	13.698.650.000	16.000.000.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	70.000.000.000	75.000.000.000
Cổ tức /Vốn điều lệ	17,55%	14,00%	86,00%	50,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	74%	188%	115%	92,60%

VIỆC TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
Vốn điều lệ	100.000.000.000	100.000.000.000	225.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.500.038.413	12.500.038.413	75.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	511.351.127	65.385.02.448	56.439.690.718
Quỹ khác thuộc VCSH	381.298.636	381.298.636	381.298.636
TỔNG CỘNG	113.392.688.176	178.266.339.497	356.820.989.354

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2010, các thành viên chủ chốt không phát sinh giao dịch mua bán cổ phiếu AVF.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty chưa thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ) ĐẾN NGÀY 14/03/2011

TT	Tên	Địa chỉ	Số CP	% vốn
1	Lưu Bách Thảo	Số 18/3C Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	3.000.000	13,33%
2	Daniel Yet (Diệp Vĩnh Xuân)	Số 1723 Bern St. Santa Clara CA 95050 USA	2.400.000	10,67%
3	CTCP Chứng khoán NHĐT&PT Việt Nam (BSC)	Tầng 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.879.970	8,36%
TỔNG CỘNG			7.279.970	32,36%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 14/03/2011

TT	Danh mục	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ đông
1	**Cổ đông nhà nước**	-	-	-
2	**Cổ đông bên trong**	**8.273.386**	**36,77%**	**11**
	- Hội đồng quản trị	7.188.886	31,95%	6
	- Ban kiểm soát	1.031.400	4,58%	2
	- Ban Giám đốc	37.800	0,17%	2
	- Kế toán trưởng	15.300	0,07%	1
3	**Cổ đông bên ngoài**	**14.226.614**	**63,23%**	**338**
	- Trong nước	10.764.361	47,84%	334
	+ Tổ chức	4.443.380	19,75%	10
	+ Cá nhân	6.320.981	28,09%	324
	- Nước ngoài	3.462.253	15,39%	4
	+ Tổ chức	-	-	-
	+ Cá nhân	3.462.253	15,39%	4
	Tổng cộng	**22.500.000**	**100,00%**	**349**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Giám đốc	39
Báo cáo kiểm toán	40
Bảng cân đối kế toán	41
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	43
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	44
Thuyết minh báo cáo tài chính	45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Daniel Yet	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Lưu Bách Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số : 244/2011/AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Việt An

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là «báo cáo tài chính») của Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Công ty. Do vậy, Công ty trình bày các khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc,kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.140.476.725.205**	**822.845.445.901**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**25.881.431.297**	**72.074.382.267**
1. Tiền	111		10.167.871.297	27.074.382.267
2. Các khoản tương đương tiền			15.713.560.000	45.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**2.820.000.000**	**4.784.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.160.000.000	11.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.340.000.000)	(7.176.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**782.407.674.121**	**390.880.099.691**
1. Phải thu khách hàng	131		554.582.563.023	265.598.957.822
2. Trả trước cho người bán	132		76.211.234.629	45.572.208.315
3. Các khoản phải thu khác	135		157.767.456.128	79.708.933.554
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.153.579.659)	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**318.520.609.725**	**340.358.011.417**
1. Hàng tồn kho	141		318.520.609.725	340.358.011.417
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.847.010.062**	**14.748.952.526**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.739.365.646	7.812.572.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.133.501.217	3.249.693.990
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.974.143.199	3.686.686.171
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**230.778.645.928**	**266.242.771.796**
I. Tài sản cố định	**220**		**193.090.387.657**	**184.217.391.661**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	147.094.927.422	116.420.370.010
- *Nguyên giá*	*222*		*191.481.061.694*	*140.219.002.512*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(44.386.134.272)*	*(23.798.632.502)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	13.190.872.208	22.357.008.230
- *Nguyên giá*	*225*		*21.922.928.400*	*34.937.439.689*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(8.732.056.192)*	*(12.580.431.459)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	26.916.558.669	20.430.032.141
- *Nguyên giá*	*228*		*26.919.494.777*	*20.430.032.141*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(2.936.108)*	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	5.888.029.358	25.009.981.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**20.400.000.000**	**64.291.543.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	20.400.000.000	36.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	-	39.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	-	(11.048.457.000)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**17.288.258.271**	**17.733.837.135**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.029.049.927	15.549.113.255
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	673.383.344	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.585.825.000	2.184.723.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.371.255.371.133**	**1.089.088.217.697**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.014.434.381.779**	**910.821.878.200**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**993.761.910.082**	**896.459.481.218**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	792.456.557.193	687.243.749.873
2. Phải trả người bán	312		129.778.323.204	156.209.611.965
3. Người mua trả tiền trước	313		860.483.880	415.767.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	14.414.852.432	6.368.263.392
5. Phải trả người lao động	315		15.188.562.469	10.336.799.816
6. Chi phí phải trả	316		2.449.295.661	1.229.342.679
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		38.613.835.243	34.655.945.709
II. Nợ dài hạn	**330**		**20.672.471.697**	**14.362.396.982**
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	20.181.189.622	13.814.134.432
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		491.282.075	548.262.550
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**356.820.989.354**	**178.266.339.497**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**356.820.989.354**	**178.266.339.497**
1. Vốn điều lệ	411		225.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000	12.500.038.413
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		381.298.636	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56.439.690.718	65.385.002.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.371.255.371.133**	**1.089.088.217.697**

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu gộp	01		1.593.944.373.146	1.229.856.692.721
2. Các khoản giảm trừ	02		(8.230.230.373)	(8.662.575.151)
3. Doanh thu thuần	10		1.585.714.142.773	1.221.194.117.570
4. Giá vốn hàng bán	11		(1.273.695.249.837)	(990.798.267.791)
5. Lợi nhuận gộp	20		312.018.892.936	230.395.849.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	48.019.305.006	5.390.153.117
7. Chi phí tài chính	22	21	(121.882.560.092)	(34.760.013.129)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*(49.674.891.376)*	*(21.051.918.361)*
8. Chi phí bán hàng	24		(114.482.855.708)	(98.010.949.866)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(33.855.800.521)	(20.113.116.957)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.816.981.621	82.901.922.944
11. Thu nhập khác	31		9.611.201.197	13.549.189.289
12. Chi phí khác	32		(9.656.280.362)	(13.613.309.413)
13. Lỗ khác	40	22	(45.079.165)	(64.120.124)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		89.771.902.456	82.837.802.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(9.455.595.082)	(7.964.155.191)
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	15	673.383.344	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		80.989.690.718	74.873.647.629
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**61**	**23**	**3.502**	**7.487**

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**89.771.902.456**	**82.837.802.820**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.742.062.611	13.035.218.338
Các khoản dự phòng	03	(3.730.877.341)	8.864.457.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.474.018.017)	(127.088.045)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.274.239.797)	(1.615.843.065)
Chi phí lãi vay	06	49.674.891.376	21.051.918.361
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**148.709.721.288**	**124.046.465.409**
Tăng các khoản phải thu	09	(401.930.961.835)	(197.830.513.224)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	21.837.401.692	(132.299.775.749)
Tăng các khoản phải trả	11	(17.616.485.856)	64.723.275.938
Tăng chi phí trả trước	12	3.593.270.047	(9.067.783.148)
Tiền lãi vay đã trả	13	(47.793.555.715)	(21.051.918.361)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.248.811.330)	(1.974.569.176)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.055.423.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(294.449.421.709)**	**(169.399.395.102)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(25.541.304.342)	(27.228.496.464)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.420.178.577
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25		(18.100.500.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.740.000.000	
5. Thu lãi tiền gửi	27	754.142.604	1.616.270.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**30.952.838.262**	**(40.292.547.124)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	105.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.508.604.572.569	2.193.096.825.694
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.388.329.605.352)	(1.896.281.451.448)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(6.522.657.407)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(7.435.040.861)	(9.999.996.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**217.839.926.356**	**280.292.720.531**
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	**50**	**(45.656.657.091)**	**70.600.778.305**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**72.074.382.267**	**1.762.868.405**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(536.293.879)	(289.264.443)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**25.881.431.297**	**72.074.382.267**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 95 tỷ đồng là khoản vốn góp từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 82,5 tỷ đồng và 12,5 tỷ đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được trình bày trong báo cáo trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2010 với mã chứng khoán là AVF.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.413 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài được trình bày theo nguyên giá. Công ty không tính khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ quyền kiểm soát trên 50%.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỉ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) – Chênh lệch tỉ giá hối đoái. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi tỉ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi đã được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích lập quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	6.942.729.982	12.603.463.666
Tiền gửi ngân hàng	3.225.141.315	14.470.918.601
Các khoản tương đương tiền	15.713.560.000	45.000.000.000
	25.881.431.297	**72.074.382.267**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi Đồng Việt Nam có kỳ hạn với thời gian đáo hạn là 3 tháng và lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12% cho đồng Việt Nam.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	-	800.000.000
	11.160.000.000	**11.960.000.000**
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.340.000.000)	(7.176.000.000)
	2.820.000.000	**4.784.000.000**

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	1.163.010.218	1.256.950.584
Công cụ, dụng cụ	20.835.878.322	7.181.719.109
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.491.217.724	37.669.275.845
Thành phẩm	232.804.729.038	289.684.223.816
Hàng hóa	732.196.723	732.196.723
Hàng gửi đi bán	9.493.577.700	3.833.645.340
	318.520.609.725	**340.358.011.417**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, hàng tồn kho với giá trị là 286.396.198.000 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	68.915.001.442	60.468.144.414	4.800.095.907	6.035.760.749	140.219.002.512
Tăng	-	6.943.594.002	289.681.718	2.545.000.000	9.778.275.720
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.252.269.376	20.217.002.797	-	-	28.469.272.173
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	13.014.511.289	-	-	13.014.511.289
Tại ngày 31/12/2010	77.167.270.818	100.643.252.502	5.089.777.625	8.580.760.749	191.481.061.694
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	(9.028.480.766)	(11.226.872.724)	(1.640.540.707)	(1.902.738.305)	(23.798.632.502)
Khấu hao trong năm	(3.761.411.062)	(7.935.098.221)	(236.342.492)	(1.857.597.225)	(13.790.449.000)
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	(6.886.990.570)	-	-	(6.886.990.570)
Điều chỉnh	-	-	89.937.800	-	89.937.800
Tại ngày 31/12/2010	(12.789.891.828)	(26.048.961.515)	(1.786.945.399)	(3.760.335.530)	(44.386.134.272)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	**64.377.378.990**	**74.594.290.987**	**3.302.832.226**	**4.820.425.219**	**147.094.927.422**
Tại ngày 31/12/2009	**59.886.520.676**	**49.241.271.690**	**3.159.555.200**	**4.133.022.444**	**116.420.370.010**

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 142.792.095.196 đồng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	33.791.208.413	1.146.231.276	34.937.439.689
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.014.511.289)	-	(13.014.511.289)
Tại ngày 31/12/2010	20.776.697.124	1.146.231.276	21.922.928.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	(12.409.737.100)	(170.694.359)	(12.580.431.459)
Khấu hao trong năm	(2.847.576.767)	(191.038.536)	(3.038.615.303)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	6.886.990.570		6.886.990.570
Tại ngày 31/12/2010	(8.370.323.297)	(361.732.895)	(8.732.056.192)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	**12.406.373.827**	**784.498.381**	**13.190.872.208**
Tại ngày 31/12/2009	**21.381.471.313**	**975.536.917**	**22.357.008.230**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	-	20.430.032.141	20.430.032.141
Tăng	15.100.000	6.474.362.636	6.489.462.636
Tại ngày 31/12/2010	15.100.000	26.904.394.777	26.919.494.777
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Khấu hao trong năm	(2.936.108)	-	`(2.936.108)
Tại ngày 31/12/2010	(2.936.108)	-	(2.936.108)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	**12.163.892**	**26.904.394.777**	**26.916.558.669**
Tại ngày 31/12/2009	**-**	**20.430.032.141**	**20.430.032.141**

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	25.009.981.280	22.542.352.127
Tăng	18.096.223.540	25.379.333.408
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(28,469,272,173)	(17.861.794.256)
Kết chuyển vào tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.146.231.276)
Kết chuyển vào tài sản cố định vô hình	(6,474,362,636)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	(1.081.943.563)	(3.903.678.723)
Kết chuyển vào công cụ dụng cụ	(1.192.597.090)	-
Tại ngày 31 tháng 12	**5.888.029.358**	**25.009.981.280**

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anpha - Ag	Long An	51	51	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Anpha - Ag. ("Công ty con"), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 chiếm tỉ lệ 51% (năm 2009: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 90%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Công ty con hiện đã hoàn tất xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 11 năm 2010.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu AFASCO ("Công ty liên kết") ở tỉnh An Giang với vốn góp là 39.340.000.000 đồng, chiếm 48% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết. Trong năm, Công ty đãchuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	15.549.113.255	8.172.408.698
Tăng	9.104.608.971	17.713.002.155
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	682.098.702	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(10.306.771.001)	(10.336.297.598)
Tại ngày 31 tháng 12	**15.029.049.927**	

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	673.383.344
Tại ngày 31/12/2010	**673.383.344**

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	775.524.576.754	676.038.734.933
Vay dài hạn đến hạn trả	10.594.800.421	4.129.454.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	6.337.180.018	7.075.560.940
	792.456.557.193	**687.243.749.873**

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế xuất nhập khẩu	-	316.119.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.196.369.767	5.989.586.015
Các loại thuế khác	218.482.665	62.557.483
	14.414.852.432	**6.368.263.392**

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn	26.888.550.621	9.013.689.621
Nợ thuê tài chính dài hạn	10.224.619.440	16.005.459.751
	37.113.170.061	**25.019.149.372**
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(10.594.800.421)	(4.129.454.000)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(6.337.180.018)	(7.075.560.940)
	20.181.189.622	**13.814.134.432**

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	10.594.800.421	4.129.454.000
Trong năm thứ hai	13.192.954.000	4.884.235.621
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.100.796.200	-
	26.888.550.621	**9.013.689.621**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(10.594.800.421)	(4.129.454.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**16.293.750.200**	**4.884.235.621**

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	6.896.841.278	7.398.774.878	6.337.180.018	7.075.560.940
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.282.928.493	9.507.331.538	3.887.439.422	8.929.898.811
	11.179.769.771	**16.906.106.416**	**10.224.619.440**	**16.005.459.751**
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(955.150.345)	(900.646.665)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	10.224.619.426	16.005.459.751	10.224.619.440	16.005.459.751
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(6.337.180.018)	(7.075.560.940)
Số phải trả sau 12 tháng			**3.887.439.422**	**8.929.898.811**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	22.500.000	15.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.500.000	10.000.000
Mệnh giá (VNĐ)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ tương ứng cùng tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông lớn như sau.

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ				Vốn đã góp	
	31/12/2010		31/12/2009		31/12/2010	31/12/2009
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%	VNĐ	VNĐ
Ông Lưu Bách Thảo	3.000.000	13.33	5.480.000	54,8	30.000.000.000	54.800.000.000
Ông Daniel Yet	2.400.000	10.67	2.400.000	24,0	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.879.970	8.36	-	-	18.799.700.000	-
	7.279.970	**32.36**	**7.800.000**	**74,8**	**72.799.700.000**	**78.800.000.000**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	511.351.127	113.392.688.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	74.873.647.629	74.873.647.629
Cổ tức đã chia	-	-	-	(9.999.996.308)	(9.999.996.308)
Số dư tại 31/12/2009	**100.000.000.000**	**12.500.038.413**	**381.298.636**	**65.385.002.448**	**178.266.339.497**
Vốn góp từ cổ tức và thặng dư vốn cổ phần	95.000.000.000	(12.500.038.413)	-	(82.499.961.587)	-
Vốn góp bằng tiền	30.000.000.000	75.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.989.690.718	80.989.690.718
Cổ tức đã chia	-	-	-	(7.435.040.861)	(7.435.040.861)
Số dư tại 31/12/2010	**225.000.000.000**	**75.000.000.000**	**381.298.636**	**56.439.690.718**	**356.820.989.354**

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu với số tiền là 7.499.961.587 đồng bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và 7.435.040.861 bằng tiền mặt (năm 2009: 9.999.996.308 đồng bằng tiền mặt) từ lợi nhuận chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty cũng kết chuyển phần thặng dư vốn cổ phần 12.500.038.413 đồng để tăng vốn, do đó vốn điều lệ của Công ty tăng tương ứng từ 100 tỷ lên 120 tỷ.

Trong năm, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phần cho cổ đông bên ngoài với giá bán bình quân là 35.000 đồng một cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ lên 150 tỷ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 5 tháng 12 năm 2009.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 8 năm 2010 và theo Quyết định 06/2010/QĐ-HĐQT Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 7.500.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu để chi trả cổ tức bổ sung năm 2009 với số tiền là 50 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức năm 2010 với số tiền là 25 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty 150 tỷ lên 225 tỷ.

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.274.239.797	1.616.270.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.210.390.192	3.773.882.354
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.474.018.017	-
Lãi khác	12.060.657.000	-
	48.019.305.006	**5.390.153.117**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền vay	49.674.891.376	21.051.918.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.227.668.716	4.716.549.723
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.980.000.000	8.864.457.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	127.088.045
	121.882.560.092	**34.760.013.129**

22. LỖ KHÁC

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	40.753.800	3.276.190.477
Bán bao bì và dụng cụ	8.822.899.747	8.948.504.439
Các khoản thu nhập khác	747.547.650	1.324.494.373
Thu nhập khác	**9.611.201.197**	**13.549.189.289**
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	40.753.800	(3.276.618.175)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	8.784.553.485	(8.936.768.229)
Các khoản chi phí khác	830.973.077	(1.399.923.009)
Chi phí khác	**9.656.280.362**	**(13.613.309.413)**
Lỗ khác	**(45.079.165)**	**(64.120.124)**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	89.771.902.456	82.837.802.820
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.087.405.245)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.082.711.355	4.177.972.248
Thu nhập chịu thuế	**94.767.208.566**	**87.015.775.068**
Trong đó: Thu nhập chịu thuế của hoạt động chính	*86.070.557.106*	*87.015.775.068*
Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	*8.696.651.460*	*87.015.775.068*
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.781.218.576	8.701.577.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.325.623.494)	(2.711.991.492)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	-	1.974.569.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**9.455.595.082**	**7.964.155.191**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Ngoài ra, Công ty còn được giảm 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập chịu thuế từ hoạt động xuất khẩu có doanh thu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	80.989.690.718	74.873.647.629
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.474.018.017)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(673,383,344)	
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**77,842,289,357**	**74.873.647.629**
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	22.228.767	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.502**	**7.487**

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	46.801.584	39.001.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	140.404.752	140.404.752
Sau năm năm	1.973.466.792	2.160.673.128
	2.160.673.128	**2.340.079.200**

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Mua hàng		
Công ty liên kết	-	171.750.720.983
Các nghiệp vụ khác		
Góp vốn vào Công ty con	-	9.600.000.000
Rút vốn khỏi Công ty con	15.600.000.00	
Tạm ứng cho Công ty con	78.591.208.921	48.294.210.817
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	39.340.000.000
Rút vốn từ Công ty liên kết	39.340.000.000	-
Hoàn trả tiền vay cho các cổ đông chính	-	55.570.820.000

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương và thưởng	1.113.982.829	1.064.317.846

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Công ty con	126.885.419.738	48.294.210.817
Các khoản phải trả		
Công ty liên kết	-	36.388.904.586
Công ty con	-	771.955.154

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng